
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo soát xét	5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	6-33
<i>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>6-8</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>9-10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>11- 12</i>
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>13</i>
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>14-33</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/ GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi trụ sở chính. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008: 135.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

Các đơn vị trực thuộc :

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	
Ông Lê Tiến Đông	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Lưu Đức Quang

Ngày 07 tháng 8 năm 2017

Số : 2806.02.01/2017/BCTC-NVT2
Ngày : 07 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi : **CÁC THÀNH VIÊN, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, được lập ngày 07 tháng 8 năm 2017 từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2014-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.071.802.968	151.373.192.127
I. Tài sản tài chính	110		208.124.270.999	150.920.107.878
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		113.292.689.976	68.466.996.048
1.1. Tiền	111.1	7.1	113.292.689.976	68.466.996.048
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	19.845.975.410	25.977.465.557
4. Các khoản cho vay	114	7.3.2	38.430.983.052	19.990.751.484
7. Các khoản phải thu	117		558.666.666	1.066.999.966
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1			
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7.4.1	558.666.666	1.066.999.966
8. Trả trước cho người bán	118	7.4.2	35.514.471.388	35.373.287.500
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.4.3	29.595.279.002	29.067.363.785
12. Các khoản phải thu khác	122		4.930.200	5.680.733
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.5	(29.118.724.695)	(29.078.437.195)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		947.531.969	453.084.249
1. Tạm ứng	131		482.594.885	157.980.185
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.6 a	454.937.084	285.104.064
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		10.000.000	10.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.191.547.543	5.587.968.331
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		839.300.889	1.506.460.053
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.8	216.191.992	310.293.328
- Nguyên giá	222		9.130.548.041	9.479.020.073
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(8.914.356.049)	(9.168.726.745)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.9	623.108.897	1.196.166.725
- Nguyên giá	228		7.391.472.948	7.401.472.948
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(6.768.364.051)	(6.205.306.223)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		5.352.246.654	4.081.508.278
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.6 b	57.993.099	49.711.867
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.7	5.294.253.555	4.031.796.411
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		215.263.350.511	156.961.160.458

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chỉ tiêu NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.756.182.698	21.151.398.314
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		30.206.646.198	18.885.398.314
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		7.621.857.947	5.959.938.349
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.10	753.045.789	627.616.341
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	7.11	198.700.000	198.700.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.12	14.214.832.923	5.513.164.903
11. Phải trả người lao động	323		454.755.656	648.513.218
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	7.13	61.121.887	102.927.814
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.14	2.437.228.389	1.828.697.937
17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	329	7.15	4.062.043.074	3.602.779.219
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		403.060.533	403.060.533
II. Nợ phải trả dài hạn	340		2.549.536.500	2.266.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354	7.16	2.549.536.500	2.266.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182.507.167.813	135.809.762.144
I. Vốn chủ sở hữu	410		182.507.167.813	135.809.762.144
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.524.623.997	135.524.623.997
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		135.000.000.000	135.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		135.000.000.000	135.000.000.000
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524.623.997	524.623.997
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		539.355.743	539.355.743
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		14.731.745	14.731.745
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.17	46.428.456.328	(268.949.341)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		43.264.234.569	(268.949.341)
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		3.164.221.759	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		-	-
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		215.263.350.511	156.961.160.458

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		13.500.000	13.500.000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.18	14.331.700.000	23.442.800.000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.19	303.480.000	303.480.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.20	1.909.793.700.000	2.065.257.230.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.472.324.100.000	1.627.967.030.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.160.000.000	-
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		425.500.000.000	434.523.000.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		10.809.600.000	2.767.200.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.21	491.520.000	44.930.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		491.520.000	44.930.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	7.22	104.678.056.378	82.861.668.854
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		50.756.687.155	74.030.662.781
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		53.921.369.223	8.831.006.073
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		53.921.369.223	8.831.006.073
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	7.23	112.299.914.325	88.821.607.203
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		112.299.914.325	88.821.607.203

Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lưu Đức Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B02- CTCK

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		6.702.340.892	245.095.300
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	7.24	-	40.840.000
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	7.25	6.702.242.692	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	7.26	98.200	204.255.300
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		13.179.597.533	212.032.135
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		66.873.703.563	628.572.222
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		682.093.351	93.040.870
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		-	-
Cộng doanh thu hoạt động	20		87.437.735.339	1.178.740.527
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		9.429.157.839	3.526.079.250
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	7.24	5.891.136.906	263.355.000
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	7.25	3.538.020.933	3.262.724.250
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		15.640.943.191	594.227.163
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		416.325.478	45.795.959
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	7.27	831.742.598	9.562.244
Cộng chi phí hoạt động	40		26.318.169.106	4.175.664.616
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		229.875.196	50.361.244
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		497.222.200	1.295.210.874
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	7.28	727.097.396	1.345.572.118
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG				
Cộng chi phí bán hàng	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
Cộng chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	7.29	4.129.186.216	3.526.222.200
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Cộng kết quả hoạt động	70		57.717.477.413	(5.177.574.171)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		-	-
8.2. Chi phí khác	72		93.820.613	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(93.820.613)	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)				
Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		57.623.656.800	(5.177.574.171)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		57.623.656.800	(5.177.574.171)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ (tiếp theo)


X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		10.926.251.131	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	7.30	10.926.251.131	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		46.697.405.669	(5.177.574.171)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	7.31	3.459,07	(383,52)
			3.459,07	(383,52)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Dung

Trần Thị Thu Hà

Lưu Đức Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(276.192.213.920)	(11.536.170.000)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		261.156.557.352	11.272.815.000
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(1.262.457.144)	(579.601.170)
4. Cổ tức đã nhận	04		98.200	204.266.500
5. Tiền lãi đã thu	05		14.185.153.033	94.572.828
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		-	-
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(14.760.324.558)	(1.124.341.528)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08		(1.887.054.445)	-
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(8.000.578.237)	(7.000.000)
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		116.362.898.279	20.833.131.743
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(44.776.384.632)	(20.652.677.773)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.825.693.928	(1.495.004.400)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		-	(218.347.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	23		-	(48.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	24		-	8.000.000.000
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		-	99.926.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(40.118.420.554)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		44.825.693.928	(41.613.424.954)
V. Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.1	68.466.996.048	87.783.057.054
VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.1	113.292.689.976	46.169.632.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	15.520.304.067.675	335.899.038.406
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(15.498.482.680.151)	(337.615.004.785)
4. Tiền chi mua chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		(1.045.919.844)
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(5.000.000)	(68.450.000)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20	21.816.387.524	(2.830.336.223)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	30	82.861.668.854	8.599.839.797
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31	82.861.668.854	8.599.839.797
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	32	74.030.662.781	5.204.346.690
	33	8.831.006.073	3.395.493.107
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)			
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	40	104.678.056.378	5.769.503.574
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	41	104.678.056.378	5.769.503.574
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	42	50.756.687.155	4.393.932.717
	44	53.921.369.223	1.375.570.857

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thùy Dung

Trần Thị Thu Hà

Lưu Đức Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B04 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm			Số dư cuối kỳ		
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Kỳ trước		Năm trước	Năm nay	
					Tăng	Giảm			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.524.623.997	135.524.623.997	-	-	-	-	135.524.623.997	135.524.623.997
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		524.623.997	524.623.997	-	-	-	-	524.623.997	524.623.997
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		539.355.743	539.355.743	-	-	-	-	539.355.743	539.355.743
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.731.745	14.731.745	-	-	-	-	14.731.745	14.731.745
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(5.456.782.294)	(268.949.341)	-	5.177.574.171	46.697.405.669	-	(10.634.356.465)	46.428.456.328
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(5.456.782.294)	(268.949.341)	-	5.177.574.171	43.533.183.910	-	(10.634.356.465)	43.264.234.569
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	3.164.221.759	-	-	3.164.221.759
Cộng		130.621.929.191	135.809.762.144	-	5.177.574.171	46.697.405.669	-	125.444.355.020	182.507.167.813
II. Thu nhập toàn diện khác									
Cộng									

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2017
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Giấy chứng nhận thành lập Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/ GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi trụ sở chính. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

1.2 Địa chỉ liên hệ của Công ty Chứng khoán

Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

1.3 Điều lệ hoạt động công ty chứng khoán: Ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2008 và sửa đổi, bổ sung vào ngày 11 tháng 4 năm 2015

1.4 Ngành nghề kinh doanh chính

Môi giới chứng khoán;
Tự doanh chứng khoán;
Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.5 Quy mô vốn

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: 135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

1.6 Hạn chế đầu tư và cho vay

Thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

1.7 Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị trực thuộc :

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Địa chỉ : Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý; Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Tiền gửi của Tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

4.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK

Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng đã được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền").

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và không bao gồm các chi phí mua như: Phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng.... Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

Công ty đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ theo giá thị trường, thực hiện đánh giá lại 6 tháng 1 lần. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu: Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại xác định lãi hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ.

Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm: Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

4.3 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 10
Máy móc thiết bị	10
Phần mềm tin học	20

4.5 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả

Các khoản phải trả, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chưa chờ cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả tổ chức phát hành

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

Dự phòng phải trả

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng phải trả hiện có, tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- a) Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:
- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
 - Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
 - Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

b) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

d) Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả trích lập trong năm là cho khoản phải trả bà Đường Thị Quy – chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 và lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản có liên thông với các tài khoản khác đang nợ Công ty chưa có khả năng hoàn trả với số tiền là 2.549.536.500 VND.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trên kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra.

Điều kiện ghi nhận doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý tài sản tài chính như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát tài sản tài chính;
- Doanh thu, thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán tài sản tài chính;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán tài sản tài chính.

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định hoạt động góp vốn liên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

Điều kiện ghi nhận các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng:

Phương pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng: doanh thu được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán: Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh: Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành: Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán: là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán: là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán: là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán, Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...

Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính: là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của CTCK:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4.9 Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh: bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chi phí quản lý CTCK: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

5.1 Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2 Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

5.3 Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

5.4 Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

5.5 Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng như cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

5.6 Các rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK

Định giá theo giá trị thị trường hoặc theo giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	71.277.863	144.720.009
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	109.774.910.959	68.310.679.479
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	3.446.501.154	11.596.560
Cộng	<u>113.292.689.976</u>	<u>68.466.996.048</u>

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a. Cửa công ty chứng khoán	911.670	3.483.339.000
- Cổ phiếu	911.670	3.483.339.000
b. Cửa nhà đầu tư	439.786.282	44.459.708.234.250
- Cổ phiếu	439.786.282	44.459.708.234.250
Tổng cộng	<u>440.697.952</u>	<u>44.463.191.573.250</u>

A.7.3. Các loại tài sản tài chính**7.3.1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cổ phiếu niêm yết	30.274.581.207	19.482.936.210	39.570.293.113	25.613.985.557
Cổ phiếu chưa niêm yết	597.009.600	363.039.200	597.009.600	363.480.000
Cộng	<u>30.871.590.807</u>	<u>19.845.975.410</u>	<u>40.167.302.713</u>	<u>25.977.465.557</u>

7.3.2. Các khoản cho vay và phải thu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cho vay hoạt động Margin	4.282.373.435	4.282.373.435	10.227.772.503	10.227.772.503
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	34.148.609.617	34.148.609.617	9.762.978.981	9.762.978.981
Cộng	<u>38.430.983.052</u>	<u>38.430.983.052</u>	<u>19.990.751.484</u>	<u>19.990.751.484</u>

A.7.4. Các khoản phải thu**7.4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi của Hợp đồng hợp tác đầu tư đã tất toán	558.666.666	1.066.999.966
Cộng	<u>558.666.666</u>	<u>1.066.999.966</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7.4.2. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Địa Ốc Star Hà Nội(*)	35.000.000.000	35.000.000.000
Các đối tượng khác	514.471.388	373.287.500
Cộng	<u>35.514.471.388</u>	<u>35.373.287.500</u>

(*) Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội để đặt cọc thuê một phần diện tích văn phòng thuộc tòa nhà FALCON Hà Đông theo hợp đồng đặt cọc HĐ/STAR-ART ngày 24 tháng 04 năm 2015 số tiền đặt cọc là 40 tỷ đồng. Trong năm 2016 đơn vị đã thu hồi 5 tỷ do hai bên thỏa thuận giảm số tiền đặt cọc.

7.4.3. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	89.951.064	28.505.280
Phải thu hoạt động tư vấn	141.000.000	141.000.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	476.890.743	10.421.310
Phải thu dịch vụ khác	28.887.437.195	28.887.437.195
Cộng	<u>29.595.279.002</u>	<u>29.067.363.785</u>
<i>Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>29.028.437.195</i>	<i>29.028.437.195</i>

A.7.5. Dự phòng phải thu khó đòi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(29.028.437.195)	(29.033.833.955)
Số trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	(90.287.500)	5.396.760
Số cuối kỳ	<u>(29.118.724.695)</u>	<u>(29.028.437.195)</u>

Chi tiết số dư dự phòng tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	6 tháng đầu năm 2017		
			Số đầu năm	Số trích lập/hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
I	Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.028.437.195	29.028.437.195		29.028.437.195
	<i>Đặng Thị Hoàn</i>	<i>1.985.767.855</i>	<i>1.985.767.855</i>		<i>1.985.767.855</i>
	<i>Đặng Thị Hồng Hà</i>	<i>1.802.130.395</i>	<i>1.802.130.395</i>		<i>1.802.130.395</i>
	<i>Đinh Thị Kim Thúy</i>	<i>1.128.657.078</i>	<i>1.128.657.078</i>		<i>1.128.657.078</i>
	<i>Mai Đức Nam</i>	<i>2.392.082.423</i>	<i>2.392.082.423</i>		<i>2.392.082.423</i>
	<i>Nguyễn Thị Cẩm Tú</i>	<i>3.245.015.924</i>	<i>3.245.015.924</i>		<i>3.245.015.924</i>
	<i>Nguyễn Thị Nga</i>	<i>1.744.423.468</i>	<i>1.744.423.468</i>		<i>1.744.423.468</i>
	<i>Nguyễn Trà My</i>	<i>2.444.898.378</i>	<i>2.444.898.378</i>		<i>2.444.898.378</i>
	<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>3.167.341.425</i>	<i>3.167.341.425</i>		<i>3.167.341.425</i>
	<i>Võ Hưng Hiếu</i>	<i>2.791.041.936</i>	<i>2.791.041.936</i>		<i>2.791.041.936</i>
	<i>Khách hàng khác</i>	<i>8.327.078.313</i>	<i>8.327.078.313</i>	-	<i>8.327.078.313</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2	Trả trước cho nhà cung cấp	90.287.500	-	90.287.500	90.287.500
	<i>Báo Thái Nguyên</i>	3.000.000	-	3.000.000	3.000.000
	<i>Công ty CP phần mềm OOS</i>	20.000.000	-	20.000.000	20.000.000
	<i>Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Du lịch Việt Mỹ</i>	25.200.000	-	25.200.000	25.200.000
	<i>Công ty TNHH Tích Hợp hệ thống quản lý Quốc Tế</i>	42.087.500	-	42.087.500	42.087.500
	Cộng	29.118.724.695	29.028.437.195	90.287.500	29.118.724.695

A.7.6. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phần mềm máy tính	37.779.168	24.575.000
Phí dịch vụ cung cấp thông tin, phí thành viên	168.999.998	-
Chi phí công cụ dụng cụ	-	3.493.336
Chi phí liên quan hoạt động chứng khoán	24.933.332	1.333.330
Chi phí bảo trì hệ thống	50.000.000	200.000.000
Chi phí khác	173.224.586	55.702.398
Cộng	<u>454.937.084</u>	<u>285.104.064</u>

b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	18.511.705	19.746.309
Chi phí khác	39.481.394	29.965.558
Cộng	<u>57.993.099</u>	<u>49.711.867</u>

A.7.7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.958.973.357	3.696.516.213
Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	215.280.198	215.280.198
Cộng	<u>5.294.253.555</u>	<u>4.031.796.411</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEXĐịa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**A.7.8. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.021.590.741	1.098.957.300	358.472.032	9.479.020.073
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(125.443.126)	(125.443.126)
Tăng do phân loại lại	10.000.000	-	-	10.000.000
Giảm do phân loại lại theo thông tư 45	-	-	(233.028.906)	(233.028.906)
Số cuối kỳ	8.031.590.741	1.098.957.300	-	9.130.548.041
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	7.466.982.742	1.098.957.300	-	8.565.940.042
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.711.297.413	1.098.957.300	358.472.032	9.168.726.745
Giảm do phân loại lại theo thông tư 45	-	-	(233.028.906)	(233.028.906)
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	(125.443.126)	(125.443.126)
Tăng do phân loại lại	10.000.000	-	-	10.000.000
Khấu hao trong kỳ	94.101.336	-	-	94.101.336
Số cuối kỳ	7.815.398.749	1.098.957.300	-	8.914.356.049
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	310.293.328	-	-	310.293.328
Số cuối kỳ	216.191.992	-	-	216.191.992

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEXĐịa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**A.7.9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.036.690.400	1.364.782.548	7.401.472.948
Phân loại lại	(10.000.000)	-	(10.000.000)
Số cuối kỳ	6.026.690.400	1.364.782.548	7.391.472.948
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	2.588.343.400	1.364.782.548	3.953.125.948
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.840.523.675	1.364.782.548	6.205.306.223
Phân loại lại	(10.000.000)	-	(10.000.000)
Khấu hao trong kỳ	573.057.828	-	573.057.828
Số cuối kỳ	5.403.581.503	1.364.782.548	6.768.364.051
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.098.892.000	-	1.196.166.725
Số cuối kỳ	623.108.897	-	623.108.897

A.7.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV FLC Land (Công ty CP FLC Land)	192.261.241	176.542.741
Công ty luật TNHH SMIC	268.159.100	268.159.100
Công ty Cổ Phần công nghệ tin học và dịch vụ Goline	90.000.000	90.000.000
Các đối tượng khác	202.625.448	92.914.500
Cộng	753.045.789	627.616.341

A.7.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty tài chính Ninh Bắc	115.500.000	115.500.000
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	20.000.000	20.000.000
Các đối tượng khác	63.200.000	63.200.000
Cộng	198.700.000	198.700.000

A.7.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.926.251.131	128.427.865
Thuế thu nhập cá nhân	3.288.581.792	5.384.737.038
Cộng	14.214.832.923	5.513.164.903

Thuế giá trị gia tăng

Thuế suất thuế GTGT đối với doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán là 0%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**A.7.13. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	59.101.793	101.245.486
Bảo hiểm xã hội	2.020.094	1.682.328
Cộng	<u>61.121.887</u>	<u>102.927.814</u>

A.7.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoạt động	1.815.923.152	1.551.243.511
Chi phí tư vấn pháp luật	172.425.000	172.425.000
Chi phí quản lý CTCK	448.880.237	105.029.426
Cộng	<u>2.437.228.389</u>	<u>1.828.697.937</u>

A.7.15. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Hoàng Kiều Trang(*)	3.965.734.655	3.520.082.487
Phải trả, phải nộp khác	96.308.419	82.696.732
Cộng	<u>4.062.043.074</u>	<u>3.602.779.219</u>

(*) Theo Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 52/2015/KDTM-PT ngày 08/06/2015 Tòa án Nhân dân Hà Nội yêu cầu Công ty hoàn trả cho bà Hoàng Kiều Trang số tiền 7.230.000.000 VND (trong đó có 1.230.000.000 VND là tiền bồi thường). Trong tháng 3 năm 2016, Chi cục Thi hành án Nam Từ Liêm ra các quyết định phong tỏa và khấu trừ 3.709.917.513 VND trên tài khoản ngân hàng của Công ty và chuyển cho bà Trang vào ngày 18/06/2016. Trong năm 2017 đơn vị ghi nhận thêm khoản lãi phải trả cho bà Trang số tiền 445.652.168 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 Công ty còn phải trả Bà Trang 3.965.734.655 VND.

A.7.16. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phải trả TK 083C003060-Đường Thị Quy (*)	2.549.536.500	2.266.000.000
Cộng	<u>2.549.536.500</u>	<u>2.266.000.000</u>

(*) Theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc Bà Đường Thị Quy chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 yêu cầu Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex phải hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 VND và tiền lãi hàng tháng phát sinh từ số dư trên. Theo đó, Công ty đã tạm tính lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản tương ứng với lãi suất cơ bản của NHNN 9%/năm đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 2.549.536.500 VND.

A.7.17. Lợi nhuận chưa phân phối

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	43.264.234.569	(268.949.341)
Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	3.164.221.759	-
Cộng	<u>46.428.456.328</u>	<u>(268.949.341)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****A.7.18. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	14.331.700.000	23.442.800.000
Cộng	<u>14.331.700.000</u>	<u>23.442.800.000</u>

A.7.19. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	303.480.000	303.480.000
Cộng	<u>303.480.000</u>	<u>303.480.000</u>

A.7.20. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.472.324.100.000	1.627.967.030.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.160.000.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	425.500.000.000	434.523.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	10.809.600.000	2.767.200.000
Cộng	<u>1.909.793.700.000</u>	<u>2.065.257.230.000</u>

A.7.21. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	491.520.000	44.930.000
Cộng	<u>491.520.000</u>	<u>44.930.000</u>

A.7.22. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	50.756.687.155	74.030.662.781
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>50.756.687.155</i>	<i>74.030.662.781</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	53.921.369.223	8.831.006.073
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>53.921.369.223</i>	<i>8.831.006.073</i>
Cộng	<u>104.678.056.378</u>	<u>82.861.668.854</u>

A.7.23. Phải trả Nhà đầu tư

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	112.299.914.325	88.821.607.203
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>112.299.914.325</i>	<i>88.821.607.203</i>
Cộng	<u>112.299.914.325</u>	<u>88.821.607.203</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**B.7.24. Lãi lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6
1	Cổ phiếu niêm yết	911.390	89.121	3.443.957.000	9.335.093.906	(5.891.136.906)	(5.891.136.906)
	+ ROS	11.390	86.388	983.957.000	1.246.618.820	(262.661.820)	(262.661.820)
	+ KLF	900.000	2.733	2.460.000.000	8.088.475.086	(5.628.475.086)	(5.628.475.086)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	911.390		3.443.957.000	9.335.093.906	(5.891.136.906)	(5.891.136.906)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

B.7.25. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=C-D	F	G=E-F
I	Loại FVTPL	30.871.590.507	19.845.975.410	11.025.615.397	14.189.837.156	(3.164.221.759)
1	Cổ phiếu niêm yết	30.274.580.007	19.482.936.210	10.791.644.997	13.955.866.756	(3.164.221.759)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	597.009.500	363.039.200	233.970.400	233.970.400	-
3	Trái phiếu niêm yết					
4	Trái phiếu chưa niêm yết					
5	Công cụ thị trường tiền tệ					
6	Các khoản đầu tư phái sinh niêm yết					
7	Các khoản đầu tư phái sinh chưa niêm yết					
8	Các khoản đầu tư cho vay					
9	Các khoản đầu tư đem thế chấp					
10	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu					
II	Loại HTM	-	-	-	-	-
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-	-
IV	Loại AFS	-	-	-	-	-
	Cộng	30.871.590.507	19.845.975.410	11.025.615.397	14.189.837.156	(3.164.221.759)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**B.7.26. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính		
FVTPL	98.200	204.316.500
Cộng	98.200	204.316.500

B.7.27. Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	90.287.500	-
Dự phòng chi phí phải trả	283.536.500	-
Chi phí khác	457.918.598	9.562.244
Cộng	831.742.598	9.562.244

B.7.28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	229.875.196	50.361.244
Doanh thu hoạt động tài chính khác	497.222.200	1.295.210.874
Cộng	727.097.396	1.345.572.118

B.7.29. Chi phí quản lý của công ty chứng khoán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.103.454.991	1.658.311.318
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.304.966	190.214.337
Chi phí khấu hao TSCĐ	667.159.164	642.115.783
Chi phí thuế, phí và lệ phí	109.113.242	45.664.345
Chi phí dự phòng và hoàn nhập dự phòng	-	(5.396.760)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.033.363.853	995.313.177
Chi phí khác	208.790.000	-
Cộng	4.129.186.216	3.526.222.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**B.7.30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.623.656.800
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.992.401.146)
- Các khoản điều chỉnh tăng	171.820.613
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	<i>171.820.613</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.164.221.759)
<i>Lãi chưa thực hiện</i>	<i>(3.164.221.759)</i>
Thu nhập chịu thuế	54.631.255.654
Lỗi các năm trước được chuyển	-
Thu nhập tính thuế	54.631.255.654
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>10.926.251.131</u>

B.7.31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	46.697.405.669	(5.177.574.171)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.459,07</u>	<u>(383,52)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – TDK.

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động đã được Công ty phân loại lại cho phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 210 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo tình hình tài chính				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	40.167.302.713	(14.189.837.156)	25.977.465.557
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	(14.189.837.156)	14.189.837.156	-

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lưu Đức Quang